

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
không liên thông, liên thông cấp tỉnh, cấp xã thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 34/TTr-SVHTTDL ngày 05 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 140 thủ tục hành chính liên thông, không liên thông cấp tỉnh, cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, V2, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 140 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG,
KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ
TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH (27 TTHC)**

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA (04 TTHC)					
1	STT 01 Quyết định số 97/QĐ- UBND ngày 09/01/2020	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập 1.003793.000.00.00.H21	30 ngày	1/2 ngày 19 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 01 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 14 ngày. 2.3. Lãnh Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 01 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 02 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày.	Quyết định số 252/QĐ- UBND ngày 26/04/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
2	STT 02 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Cấp giấy phép khai quật khảo cổ 2.001591.000.00.00.H21	03 ngày	10 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
				1/2 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
				02 giờ	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
				1,5 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 02 giờ. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 04 giờ. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 02 giờ. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 02 giờ. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 02 giờ	
				01 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				02 giờ	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
3	STT 04 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật 1.003835.000.00.00.H21	45 ngày	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 06/02/2024
				34,5 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 02 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 02 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 02 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày.	
				10 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản đề nghị, gửi kết quả đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
			30 ngày	Không quy định	Bước 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật	
			10 ngày	Không quy định	Bước 5. Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét,	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật	
				10 ngày	Bước 6. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia, gửi kết quả về UBND tỉnh	
				05 ngày	Bước 7. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký phê duyệt văn bản	
					Bước 8. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
4	STT 03 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích 1.003646.000.00.00.H21	45 ngày	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
				34,5 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 02 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 02 ngày.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 02 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày.	
				10 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản đề nghị, gửi kết quả đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
			30 ngày	Không quy định	Bước 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật	
			10 ngày	Không quy định	Bước 5. Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật	
			10 ngày	Không quy định	Bước 6. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia, gửi kết quả về UBND tỉnh	
			05 ngày	4,5 ngày	Bước 7. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký phê duyệt văn bản	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				1/2 ngày	Bước 8. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
II	LĨNH VỰC DU LỊCH (01 TTHC)					
5	STT 02 Mục I Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 4/7/2022	Công nhận điểm du lịch 1.004528.000.00.00.H21	25 ngày	01 ngày 14 ngày 09 ngày 01 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý và Phát triển Du lịch phân công thụ lý: 01 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 01 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả thẩm định: 1,5 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày. Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản. Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
III	LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ (03 TTHC)					

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
6	STT 01 Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam 1.006412.000.00.00.H21	15 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 13/01/2024
				10,5 ngày làm việc	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 08 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
				3,5 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt văn bản.	
				0,5 ngày làm việc	Bước 4. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
7	STT 02 Quyết định số 220/QĐ-	Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của	07 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 23/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	UBND ngày 17/01/2024	chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam 1.001082.000.00.00.H21		3,5 ngày làm việc	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc	ngày 13/01/2024
				2,5 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt văn bản.	
				0,5 ngày làm việc	Bước 4. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
8	STT 03 Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam 1.001091.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 13/01/2024
				2,5 ngày làm việc	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc	
				1,5 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt văn bản.	
				0,5 ngày làm việc	Bước 4. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
IV LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM (02 TTHC)						
9	STT 08 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng 1.001755.000.00.00.H21	07 ngày làm việc <i>Trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh</i>	1/2 ngày làm việc 04 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 1/2 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 1/2 ngày làm việc	
				02 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				1/2 ngày làm việc	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
			20 ngày <i>Trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch</i>	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
				04 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 1/2 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 1/2 ngày	
				02 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản, chuyển kết quả đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
				Không quy định	Bước 4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết, trả kết quả về UBND tỉnh	
				2,5 ngày	Bước 5. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký phê duyệt văn bản	
				1/2 ngày	Bước 6. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
10	STT 09 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) 1.001738.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
				04 ngày làm việc	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 1/2 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày làm việc. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 1/2 ngày làm việc	
				02 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				1/2 ngày làm việc	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
V	LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN (02 TTHC)					
11	STT 02 Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) 1.009398.000.00.00.H21	15 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
				11 ngày làm việc	Bước 2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 08 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình thông qua kết quả: 1/2 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm việc.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày làm việc.	
				03 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản.	
				½ ngày làm việc	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
				½ ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
			05 ngày làm việc <i>Trường hợp thay đổi nội dung cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận</i>	03 ngày làm việc	Bước 2. . Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình thông qua kết quả: ½ ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 1/2 ngày làm việc. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 1/2 ngày làm việc.	
				01 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				1/2 ngày làm việc	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
12	Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu 1.009399.000.00.00.H21	12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến ở Văn hóa và Thể thao.	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
				07 ngày làm việc	Bước 2. Sở Văn hóa và Thể thao kiểm tra, thẩm định, giải quyết hồ sơ, cụ thể 1. Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình giải quyết hồ sơ 1.1. Lãnh đạo Phòng phân công chuyên viên thụ lý 0,5 ngày làm việc; 1.2. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc; 1.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả 0,5 ngày. 2. Lãnh đạo ở ký duyệt 01 ngày làm việc. 3. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh 01 ngày làm việc.	
				04 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				0, 5 ngày làm việc	Bước 4. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
VI LĨNH VỰC QUẢNG CÁO (03 TTHC)						
13	STT 16 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam 1.004639.000.00.00.H21	10 ngày	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
				04 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 1/2 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 1/2 ngày	
				05 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				1/2 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
14	STT 17 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam 1.004666.000.00.00.H21	10 ngày	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
				04 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 1/2 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 1/2 ngày	
				05 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				1/2 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
15	STT 18 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam 1.004662.000.00.00.H21	10 ngày	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
				04 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể:	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 1/2 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 1/2 ngày	
				05 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				1/2 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
VII LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH (01 TTHC)						
16	STT 01 Quyết định 493/QĐ-UBND ngày 22/2/2023	Cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh) 1.011454.000.00.00.H21	15 ngày	0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/3/2023
				11 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1 Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình phân công chuyên viên thụ lý: 01 ngày; 2.2. Chuyên viên thụ lý: 07 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thông qua kết quả: 01 ngày 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt: 01 ngày - Văn thư vào sổ, chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày.	
				2,5 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt giấy phép	
				0.5 ngày	Bước 4. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	
				0,5 ngày	Bước 5. Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	
LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (03 TTHC)						
17	STT 28 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức 1.002022.000.00.00.H21	10 ngày	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
				05 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thể dục thể thao phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thể dục thể thao thông qua kết quả: 1/2 ngày.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày	
				04 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				1/2 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
18	STT 29 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức 1.002013.000.00.00.H21	10 ngày	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
				05 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thể dục thể thao phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thể dục thể thao thông qua kết quả: 1/2 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				04 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				1/2 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
19	STT 30 Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 09/01/2020	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.001782.000.00.00.H21	10 ngày	1/2 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Gia Lai
				05 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thể dục thể thao phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Thể dục thể thao thông qua kết quả: 1/2 ngày. 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt kết quả: 01 ngày. 2.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày	
				04 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản	
				1/2 ngày	Bước 4. Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
VIII LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (06 TTHC)						
20	STT 01 Quyết định 2365/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương) 1.001376.000.00.00.H21	- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp cơ sở không quá 70 ngày.	05 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 18/9/2024
			- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 85 ngày.	140 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, thẩm định, giải quyết hồ sơ, cụ thể: 1. Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết hồ sơ: 1.1. Lãnh đạo Văn phòng phân công chuyên viên thụ lý: 01 ngày; 1.2. Chuyên viên thụ lý: 135 ngày; 1.3. Lãnh đạo Văn phòng thông qua kết quả: 01 ngày. 2. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 02 ngày. 3. Văn thư vào sổ và gửi Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày.	
				10 ngày	Bước 3. 1. Văn phòng UBND tỉnh trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả: 9,5 ngày. 2. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ và chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để gửi đến Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước: 0,5 ngày.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp Nhà nước gồm 2 bước, cụ thể như sau: (215 ngày) + Bước 1: Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước	Không quy định	Bước 4. Sau khi nhận được kết quả từ Bộ, ngành Trung ương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho công dân.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			không quá 115 ngày. + Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp Nhà nước không quá 100 ngày.			
21	STT 02 Quyết định 2365/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương) 1.001108.000.00.00.H21	- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở không quá 70 ngày.	05 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và chuyển Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh Gia Lai
				140 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, thẩm định, giải quyết hồ sơ, cụ thể: 1. Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết hồ sơ: 1.1. Lãnh đạo Văn phòng phân công chuyên viên thụ lý: 01 ngày; 1.2. Chuyên viên thụ lý: 135 ngày;	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 85 ngày.		1.3. Lãnh đạo Văn phòng thông qua kết quả: 01 ngày. 2. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt: 02 ngày. 3. Văn thư vào sổ và gửi Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày.	
				10 ngày	Bước 3. 1. Văn phòng UBND tỉnh trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả: 9,5 ngày. 2. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ và chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để gửi đến Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước: 0,5 ngày.	
			- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Nhà nước gồm 2 bước, cụ thể	Không quy định	Bước 4. Sau khi nhận được kết quả từ Bộ, ngành Trung ương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho công dân.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			như sau: 215 ngày + Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước không quá 115 ngày. + Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Nhà nước không			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			quá 100 ngày			
22	STT 01 Mục I Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể 1.001032.000.00.00.H21	Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 70 ngày	0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của UBND tỉnh Gia Lai
				66,5 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, thẩm định hồ sơ, tham mưu Hội đồng cấp tỉnh thực hiện quy trình xét chọn danh hiệu “nghệ nhân nhân dân”, cụ thể: 1. Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết hồ sơ: 1.1. Lãnh đạo Văn phòng phân công chuyên viên thụ lý: 0,25 ngày; 1.2. Chuyên viên thụ lý: 65 ngày; 1.3. Lãnh đạo Văn phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt: 0,5 ngày. 3. Văn thư vào sổ và gửi Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày.	
				03 ngày	Bước 3. 1. Văn phòng UBND tỉnh trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả: 2,5 ngày.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ và chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để gửi đến Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ: 0,5 ngày.	
23	STT 01 Mục I Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể 1.000971.000.00.00.H21	Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 70 ngày	0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của UBND tỉnh Gia Lai
				66,5 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, thẩm định hồ sơ, tham mưu Hội đồng cấp tỉnh thực hiện quy trình xét chọn danh hiệu “nghệ nhân ưu tú”, cụ thể: 1. Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết hồ sơ: 1.1. Lãnh đạo Văn phòng phân công chuyên viên thụ lý: 0,25 ngày; 1.2. Chuyên viên thụ lý: 65 ngày; 1.3. Lãnh đạo Văn phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký duyệt: 0,5 ngày. 3. Văn thư vào sổ và gửi Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày.	
				03 ngày	Bước 3.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					1. Văn phòng UBND tỉnh trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt kết quả: 2,5 ngày. 2. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ và chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để gửi đến Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ: 0,5 ngày.	
24	STT 06 Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 22/2/2023	Xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật 1.000871.000.00.00.H21	Không quy định	15 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Gia Lai
			Không quy định	30 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phân công chuyên viên thụ lý: 01 ngày Chuyên viên thụ lý: 26 ngày 2.3. Lãnh đạo Văn phòng thông qua kết quả: 01 ngày 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt kết quả: 01 ngày 2.5. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày	
			10 ngày	10 ngày	Bước 3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản cho Văn phòng UBND tỉnh thông báo công khai kết quả xét tặng của Hội đồng cấp	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					cơ sở	
			Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả	20 ngày	Bước 4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, cụ thể: 4.1. Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phân công chuyên viên thụ lý: 01 ngày Chuyên viên thụ lý: 16 ngày 4.3. Lãnh đạo Văn phòng thông qua kết quả: 01 ngày 4.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt kết quả: 01 ngày 4.5. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày	
			Không quy định	05 ngày làm việc	Bước 5. 5.1. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt: 4,5 ngày 5.2. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để gửi Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước: 0,5 ngày	
25	STT 07 Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 22/2/2023	Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật 1.000564.000.00.00.H21	Không quy định	15 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của
			Không quy	30 ngày	Bước 2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			định		quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phân công chuyên viên thụ lý: 01 ngày 2.2. Chuyên viên thụ lý: 26 ngày 2.3. Lãnh đạo Văn phòng thông qua kết quả: 01 ngày 2.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt kết quả: 01 ngày 2.5. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày	UBND tỉnh Gia Lai
			10 ngày	10 ngày	Bước 3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản cho Văn phòng UBND tỉnh thông báo công khai kết quả xét tặng của Hội đồng cấp cơ sở	
			Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo kết quả	20 ngày	Bước 4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, cụ thể: 4.1. Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phân công chuyên viên thụ lý: 01 ngày Chuyên viên thụ lý: 16 ngày 4.3. Lãnh đạo Văn phòng thông qua kết quả: 01 ngày 4.4. Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt kết quả: 01 ngày 4.5. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày	
			Không quy định	05 ngày làm việc	Bước 5. 1. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt: 4,5 ngày 2. Văn thư Văn phòng UBND tỉnh vào sổ, gửi kết quả cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và Sở Văn hóa và Thể thao để gửi Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước: 0,5 ngày	
IX LĨNH VỰC VĂN HOÁ (01 TTHC)						
26	STT 01 Mục II Quyết định 768/QĐ-UBND ngày 17/7/2025	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh (1.001029)	10 ngày làm việc	½ ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 14/07/2025
				6,5 ngày làm việc	Bước 2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Chuyên viên Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình giải quyết: 4,5 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình thông qua kết quả: 01 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Sở ký duyệt chuyển Văn phòng UBND tỉnh: 01 ngày làm việc.	
				03 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản, chuyển kết quả theo nơi nhận văn bản.	

[illegible]

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH (110 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
I	LĨNH VỰC DU LỊCH (20 TTHC)							
1	STT 07 Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/2/2020	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài 1.003717.000.00.00.H21	07 ngày làm việc (Đối với trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 04 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt: 0,5 ngày làm việc.	02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.					
			13 ngày làm việc (Đối với trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam)	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý du lịch: 09 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên phòng: 07 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt: 01 ngày làm việc.	03 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên					
2	STT 08 Quyết định số 406/QĐ-UBND	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 03 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/2/2020	vụ lý hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện 1.003240.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			ngày 20/4/2022
3	STT 09 Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/2/2020	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
		phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy 1.003275.000.00.00.H21			2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
4	STT 10 Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/2/2020	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài 1.014144.000.00.00.H21	05 ngày làm việc (Đối với trường hợp điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện)	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			<i>không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu hành nước ngoài không thuộc quốc gia,</i>		3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			<i>vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i>					
			13 ngày làm việc <i>(Đối với trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn</i>	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý du lịch: 10 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 08 ngày làm việc;	02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyet)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			<i>phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều</i>		3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.			

STT	STT QTNB giải quyết quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			<i>ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên)</i>					
5	STT 11 Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/2/2020	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài 1.003002.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
6	STT 12 Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/2/2020	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài 1.001837.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
7	STT 06 Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/2/2020	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản 1.003742.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
8	STT 07 Mục II phần A Quyết định	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa 2.001628.000.00.00.H21	05 ngày	0,25 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 3,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 17/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025				phân công thụ lý: 0,25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày			ngày 07/01/2025
9	STT 02 Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/2/2020	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa 2.001616.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
10	STT 03 Mục II phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa 2.001622.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc	0.25 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 1,5 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
11	STT 01 Mục II phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành 2.001611.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 16/09/2024
12	STT 05 Quyết định số 406/QĐ-UBND	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 03 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 430/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 10/2/2020	2.001589.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			ngày 16/09/2024
13	STT 04 Mục II phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế 1.004628.000.00.00.H21	7,5 ngày	0,25 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 06 ngày, cụ thể 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 07/07/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 11/5/2025				quyết: 05 ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày			
14	STT 05 Mục II phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa 1.004623.000.00.00.H21	7,5 ngày	0,25 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 06 ngày, cụ thể 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 07/07/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
15	STT 15 Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/2/2020	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm 1.001440.000.00.00.H21	10 ngày	0,5 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 07 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	02 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 07/07/2025
16	STT 02 Mục II phần A Quyết định số	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa 1.001432.000.00.00.H21	04 ngày	0,25 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 2,5 ngày, cụ thể 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0.5	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 601/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	1586/QĐ-UBND ngày 11/5/202				ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0.5 ngày			ngày 07/07/2025
17	STT 06 Mục II phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch 1.004614.000.00.00.H21	3,5 ngày	0,25 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 02 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0.25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0.25	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 07/07/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					ngày			
18	STT 08 Mục II phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế 1.004605.000.00.00.H21	2,5 ngày	0,25 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0.25 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 1,25 ngày 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0.25 ngày	0,25 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 16/09/2024
19	STT 09 Mục II phần A Quyết định	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du	8,5 ngày	0,25 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển Du lịch: 7,5 ngày, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 200/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch 1.004594.000.00.00.H21			phân công thụ lý 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết 6,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả 0,5 ngày			ngày 20/4/2022
20	STT 23 Mục I Quyết định 768/QĐ-UBND ngày 17/7/2025	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch 1.004572.000.00.00.H21	10 ngày	1/2 ngày	Phòng Quản lý và Phát triển du lịch: 08 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 16/9/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
II	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA (10 TTHC)							
21	STT 01 mục I phần A Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 19/6/2020	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia 2.001631.000.00.00.H21	30 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình: 27 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 06/02/2024
22	STT 03 mục I Quyết định	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt	15 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình: 12 ngày làm việc, cụ thể:	02 ngày	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 252/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	số 2256/QĐ-UBND ngày 3/7/2019	động bảo tàng ngoài công lập 2.001613.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	làm việc		UBND ngày 26/04/2024
23	STT 08 Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 3/7/2019	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia 1.003738.000.00.00.H21	30 ngày	0,5 ngày	Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình: 27 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày	02 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 26/04/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 25 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày			
24	STT 20 mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích 1.001822.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Chuyên viên xử lý: 1 ngày làm việc 2. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 26/04/2024
25	STT 22 mục II Phần A	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	04 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 03 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 252/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	1.003901.000.00.00.H21			1. Chuyên viên xử lý: 2,5 ngày làm việc. 2. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	việc		UBND ngày 26/04/2024
26	STT 23 mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích 2.001641.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc (Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng)	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Chuyên viên xử lý: 1 ngày làm việc. 2. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 26/04/2024
			4 ngày làm	0,25 ngày	Phòng Quản lý Văn	0,5	0,25 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyet)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			việc (Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới)	làm việc	hóa – Gia đình: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Chuyên viên xử lý: 2,5 ngày làm việc. 2. Lãnh đạo Phòng duyet kết quả: 0,5 ngày làm việc.	ngày làm việc	làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
27	STT 21 mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích 1.002003.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Chuyên viên xử lý: 1 ngày làm việc. 2. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 26/04/2024
28	STT 06 mục I Quyết định số 2256/QĐ-UBND	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật 1.001106.000.00.00.H21	15 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 12 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc	02 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 26/04/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 3/7/2019				2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
29	STT 07 mục I Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 3/7/2019	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật 1.001123.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 2 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					ngày làm việc			
30	STT 03 Quyết định số số 1159/QĐ-UBND ngày 4/4/2025	Cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh 1.013456.000.00.00.H21	02 ngày làm việc	02 giờ	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 10 giờ 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 02 giờ 2. Chuyên viên giải quyết: 06 giờ 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 02 giờ	02 giờ	02 giờ	Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 14/4/2025
			10 ngày (Trường hợp cần xin ý kiến của cơ quan có liên quan)	0,5 ngày	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 08 giờ 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 giờ	01 ngày	0,5 ngày	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 07 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày			
III	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (03 TTHC)							
31	STT 01 Quyết định số 4864/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình 1.012080.000.00.00.H21	10 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa -Gia đình xử lý hồ sơ: 08 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 07 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 18/12/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc			
32	STT 02 Quyết định số 4864/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình 1.012081.000.00.00.H21	03 ngày làm việc	02 giờ	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 02 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 02 giờ; 2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 02 giờ	1/2 ngày làm việc	02 giờ	Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 18/12/2023

[illegible]

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
34	Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) 1.001809.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
35	STT 11 mục I	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý	01 ngày	1/2 ngày làm việc	Quyết định số

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 2256/Đ-UBND ngày 3/7/2019	phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) 1.001833.000.00.00.H21			hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc.	làm việc		200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
36	STT 12 mục I Quyết định số 2256/Đ-	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 3/7/2019	1.001778.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc.			ngày 20/4/2022
37	STT 25 Mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) 1.001704.000.00.00.H21	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Chuyên viên xử lý: 2 ngày làm việc. 2. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 13/01/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 11/5/2025				ngày làm việc			
38	Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) 1.001671.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 13/01/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
39	STT 01 Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại 1.001229.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
			15 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình xử lý hồ sơ: 13 ngày, cụ thể:	01 ngày	1/2 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			<i>(Đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định)</i>		1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 11 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.	làm việc		
40	STT 02 Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại 1.001211.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.			
			15 ngày làm việc <i>(Đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định)</i>	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình xử lý hồ sơ: 13 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 11 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.			
41	STT 03 Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại 1.001182.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			15 ngày làm việc <i>(Đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định)</i>	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình xử lý hồ sơ: 13 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 11 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	
42	STT 04 Quyết định số 1635/QĐ-	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 16/5/2019	ngoài không vì mục đích thương mại 1.001191.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.			ngày 20/4/2022
			15 ngày làm việc (Đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định)	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình xử lý hồ sơ: 13 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 11 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.			
43	STT 05 Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 16/5/2019	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại 1.001147.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.			
			15 ngày làm việc (Đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định)	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình xử lý hồ sơ: 13 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 11 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	
V	LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN (02 TTHC)							

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
44	Quyết định 655/QĐ-UBND ngày 25/2/2021	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu 1.009403.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
			02 ngày làm việc <i>Trưởng hợp thay đổi nội</i>	02 giờ	Phòng Quản lý Văn hoá – Gia đình: 08 giờ, cụ thể	04 giờ	02 giờ	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyet)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
			<i>dung đã được xác nhận</i>		1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 02 giờ 2. Chuyên viên giải quyết: 04 giờ 3. Lãnh đạo phòng duyet kết quả: 02 giờ			
45	STT 17 Mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ- UBND ngày 11/5/2025	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình: - Chuyên viên xử lý: 1 ngày làm việc. - Lãnh đạo Phòng duyet kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ- UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
		năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) 1.009397.000.00.00.H21						
VI	LĨNH VỰC QUẢNG CÁO (02 TTHC)							
46	STT 18 Mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn 1.004650.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Chuyên viên xử lý: 1 ngày làm việc. 2. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
47	STT 19 Mục II Phần A	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 1,5 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	1.004645.000.00.00.H21			1. Chuyên viên xử lý: 1 ngày làm việc. 2. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	việc		UBND ngày 20/4/2022
VII	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MUA BÁN QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA (02 TTHC)							
48	STT 01 Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 4/4/2025	Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh 1.003784.000.00.00.H21	01 ngày làm việc	01 giờ	Công chức tại Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, xử lý và trình Lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt hồ sơ, trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ	-	-	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/3/2023

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					hành chính công tỉnh: 07 giờ.			
			02 ngày làm việc (Trường hợp phát hiện văn hóa phẩm cấm nhập khẩu)	02 giờ	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 10 giờ 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 02 giờ 2. Chuyên viên giải quyết: 06 giờ 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 02 giờ	02 giờ	02 giờ	
49	STT 24 Mục I Quyết định số 2256/QĐ-	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh 1.003560.000.00.00.H21	10 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 08 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 3/7/2019				1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.			ngày 20/4/2022
VIII	LĨNH VỰC VĂN HOÁ (04 TTHC)							
50	STT 22 Mục I Quyết định số 2256/QĐ-UBND	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh 2.001496.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 05 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 06/02/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 3/7/2019				1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.			
51	STT 02 Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 4/4/2025	Kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh 1.003743.000.00.00.H21	12 ngày	0,5 ngày	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 10 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày	01 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 08 ngày 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày			
52	STT 01 Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường 1.001008.000.00.00.H21	10 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình xử lý hồ sơ: 08 ngày làm việc, cụ thể 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 07 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
53	STT 24 mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường 1.000922.000.00.00.H21	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý Văn hóa – Gia đình: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Chuyên viên xử lý: 2 ngày làm việc. 2. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 20/4/2022
IX	LĨNH VỰC BÁO CHÍ (03 TTHC)							
54	STT 12 Mục II Phần A	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) 1.009374.000.00.00.H21	7,5 ngày	0,25 ngày	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 06 ngày, cụ thể:	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 287/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025				1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày.			UBND ngày 29/3/2025
55	STT 13 Mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) 1.009386.000.00.00.H21	2,5 ngày	0,25 ngày	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 1,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày;	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 11/5/2025				3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày.			
56	STT 01 Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	Cho phép hợp báo (trong nước) 2.001171.000.00.00.H21	01 ngày	0,5 giờ	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản : 05 giờ, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 giờ; 2. Chuyên viên giải quyết: 04 giờ; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 giờ.	02 giờ	0,5 giờ	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025
X	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN, PHÁT HÀNH (11 TTHC)							

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
57	STT 04 Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh 1.003725.000.00.00.H21	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản: 12 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 07/7/2025
58	STT 06 Quyết định số 2209/QĐ-UBND	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm 2.001594.000.00.00.H21	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản: 12 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày;	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 15/7/2022				2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày			
59	STT 01 Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm 2.001584.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản : 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
60	STT 05 Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm 1.003729.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
61	STT 05 Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài 2.001564.000.00.00.H21	10 ngày	1/2 ngày	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản: 07 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025
62	STT 02 Quyết định số 1471/QĐ-UBND	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm 1.003114.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định 598/QĐ-UBND ngày 25/6/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 25/4/2024				1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
63	STT 07 Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	Cấp Giấy phép hoạt động in 1.004153.000.00.00.H21	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản: 12 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày;	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày			
64	STT 14 Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	Cấp lại Giấy phép hoạt động in 2.001744.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1,5 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
65	STT 15 mục II phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in 2.001740.000.00.00.H21	1,5 ngày làm việc	0,125 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 01 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,125 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025
66	STT 16 Quyết định số	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	03 ngày làm việc	1/4 ngày làm việc	Phòng Thông tin, Báo chí, Xuất bản: 02 ngày làm việc, cụ thể:	1/2 ngày	1/4 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	2257/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	2.001737.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/4 ngày làm việc.	làm việc		UBND ngày 29/3/2025
67	STT 16 Mục I Quyết định 768/QĐ-UBND ngày 17/7/2025	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh 1.003868.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	1/4 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 04 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải	1/2 ngày làm việc	1/4 ngày làm việc	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 2/7/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc.			
XI LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (13 TTHC)								
68	STT 10 Mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương) 2.001098.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	1/4 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc.			
69	STT 11 Mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 11/5/2025	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương) 1.005452.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
70	STT 09 Mục I Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	Gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương) 2.001091.000.00.00.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 3/4 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025
71	STT 10 Mục I Quyết định	Cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ	01 ngày làm	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	số 963/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	2.001087.000.00.00.H21			thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 3/4 ngày làm việc.	việc		UBND ngày 29/3/2025
72	STT 01 Mục I Quyết định số 963/QĐ-UBND	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng 2.002738.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/4	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 19/3/2025				ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 3/4 ngày làm việc.			
73	STT 02 Mục I Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng 2.002739.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 3/4 ngày làm việc.			
74	STT 03 Mục I Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng 2.002740.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 3/4	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					ngày làm việc.			
75	STT 04 Mục I Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng 1.002001.H21	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 11 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	03 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025
76	STT 05 Mục I Quyết định số 963/QĐ-	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 19/3/2025	1.001976.H21			1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 3/4 ngày làm việc.			ngày 29/3/2025
77	STT 06 Mục I Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng 1.001988.H21	05 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 03 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 1/4 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 3/4 ngày làm việc.			
78	STT 07 Mục I Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng 1.004508.H21	10 ngày	1/2 ngày	Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 08 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 06 ngày	01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày.			
79	STT 01 Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh 2.001765. 000.00.00.H21	12 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản: 09 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 07 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.	02 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
80	STT 02 Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh 1.003384.000.00.00.H21	08 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản: 06 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc.	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/3/2025
XII	LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO (32 TTHC)							
81	STT 29 Quyết định số	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp 1.002445.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	làm việc		UBND ngày 11/4/2024
82	STT 26 Mục II Phần A Quyết định số 1586/QĐ-UBND	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao 1.002396.000.00.00.H21	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Quản lý thể dục thể thao: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc;	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	ngày 11/5/2025				2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc			
83	STT 31 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận 1.003441.000.00.00.H21	5 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 3 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc			
84	STT 32 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng 1.000983.000.00.00.H21	5 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 3 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
85	STT 01 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga 1.000953.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
86	STT 01 Quyết định số 3882/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	5 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 3 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 25/10/2019	1.000936.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc			ngày 11/4/2024
87	STT 26 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông 1.000920.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dực thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
88	STT 20 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo 1.001195.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
89	STT 21 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate 1.000904.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
90	Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn 1.000883.000.00.00.H21	5 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
91	STT 20 Quyết định số 2288/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 04/7/2019	với môn Billiards & Snooker 1.000863.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			ngày 11/4/2024
92	STT 25 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn 1.000847.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dực thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
93	STT 18 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay 1.000830.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
94	STT 14 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao 1.000814.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
95	STT 17 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ 1.000644.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
96	STT 23 Quyết định số 2288/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 04/7/2019	1.000842.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			ngày 11/4/2024
97	STT 10 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness 1.005163.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
98	STT 22 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng 2.002188.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
99	STT 12 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí 1.000594.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
100	STT 19 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh 1.000560.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
101	STT 15 Quyết định số 2288/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 04/7/2019	với môn Võ cổ truyền, Vovinam 1.000544.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			ngày 11/4/2024
102	STT 11 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển 1.001213.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dực thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
103	STT 24 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá 1.000518.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
104	STT 16 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt 1.000501.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
105	STT 27 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin 1.000485.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
106	STT 03 Quyết định số 2288/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 04/7/2019	với môn Lặn biển thể thao giải trí 1.005357.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			ngày 11/4/2024
107	STT 28 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao 1.001801.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dực thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
108	STT 08 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao 1.001056.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			
109	STT 04 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném 1.001500.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
110	STT 06 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao 1.001517.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024
111	STT 07 Quyết định số 2288/QĐ-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thể dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể:	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
	UBND ngày 04/7/2019	1.001527.000.00.00.H21			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc			ngày 11/4/2024
112	STT 05 Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 04/7/2019	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu 1.005162.000.00.00.H21	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Quản lý Thẻ dục thể thao: 5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc;	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 11/4/2024

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày/ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		Mã số TTHC		(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyet)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Văn thư vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh)	
					2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng duyet kết quả: 01 ngày làm việc			
Tổng cộng: 112 TTHC								

III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ/ BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ (01 TTHC)

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC		(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND cấp Xã (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã)	
I. Lĩnh vực Thể dục Thể thao (01 TTHC)							
1	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở (2.000794.000.00.00.H21)	07 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Phòng Văn hóa - Xã hội: 05 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 01 ngày làm việc; 2. Công chức giải quyết: 03 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng duyệt kết quả: 01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	1/2 ngày làm việc	Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 17/1/2023
Tổng cộng: 01 TTHC							